TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST
Ngày 07 - 02 - 2018
V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Ngát

Bà Khúc Thị Minh

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Phượng - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 08/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2018 về "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị S, sinh năm 1979

Địa chỉ: Đội 5, thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Cao Đức H, sinh năm 1974

Địa chỉ: Đội 5, thôn N, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng; có mặt; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Cao Đức H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, tự tìm hiểu được hai bên gia đình tổ chức hỏi cưới theo phong tục truyền thống của Việt Nam và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K vào ngày

23/11/1997. Sau khi kết hôn chị và anh H chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vào năm 2009. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, lối sống. Anh H không lo làm ăn, chơi bời cơ bạc, rượu chè. Chị đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H không nghe nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau.Thực tế chị và anh H đã sống ly thân với nhau được gần năm năm nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Chị S xin ly hôn anh H để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Thị N, sinh ngày 12/9/1998 và Cao Đức H1, sinh ngày 06/01/2005. Ly hôn chị nhận nuôi cháu H vì chị có chỗ ở, công việc và thu nhập ổn định. Về cấp dưỡng nuôi con chị và anh H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Cao Thị N đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Chị và anh H không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11/01/2018 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Cao Đức H trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị S trình bày là đúng. Năm 2009 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn nhỏ do trước đây anh có nghiện rượu chửi bới vợ, con và hay chơi đánh bạc (đánh phỏm, chắn) nhưng hiện nay anh không uống rượu và chơi đánh bạc nữa. Chị S đã tự ý bỏ nhà ra ngoài sống nhiều lần. Năm năm trở lại đây anh chị sống ly thân nhau. Nay chị S xin ly hôn anh, anh không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với chị S, nếu chị S cương quyết xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Cao Thị N, sinh ngày 12/9/1998 và Cao Đức H1, sinh ngày 06/01/2005. Ly hôn anh H đồng ý để chị S nuôi cháu H1. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh và chị S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Cao Thị N đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh và chị S không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh luận tại phiên tòa cho thấy: Mâu thuẫn giữa chị Vũ Thị S và anh Cao Đức H đã trầm trọng, yêu cầu của chị Sánh

phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S được ly hôn anh H; về con chung: Giao 01 con chung là Cao Đức H1, sinh ngày 06/01/2005 cho chị S nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị S và anh H tự thỏa thuận nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Do cháu Cao Thị N, sinh ngày 12/9/1998 đã trên 18 tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, công nợ: Chị S và anh H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Về án phí: Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Vũ Thị S và anh Cao Đức H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ vào ngày 23/11/1997. Như vậy hôn nhân giữa chị S và anh H là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị S cương quyết xin ly hôn, anh H khẳng định vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng anh còn tình cảm với chị S và xin đoàn tụ với chị S. Xác minh thu thập tài liệu, chứng cứ tại chính quyền địa phương và đại diện của gia đình anh H theo yêu cầu của nguyên đơn đều thể hiện: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh H không chịu làm ăn chỉ ham mê cờ bạc, rượu chè nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Sau khi anh H bị tai nạn giao thông tính nết thay đổi, cục cằn và hay đánh chị S. Nhiều lần hàng xóm can ngăn anh H cũng chửi cả hàng xóm. Thực tế chị S đã sống ly thân anh H từ năm 2013 không liên quan đến nhau về tình cảm cũng như kinh tế. Hai bên gia đình từng động viên hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không đạt được kết quả gì. Nay chị S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống và sinh hoạt mới. Hội đồng xét xử nhận định mâu thuẫn của chị S và anh H đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích

hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Vũ Thị S được ly hôn anh Cao Đức H.

[2] Về con chung: Giao 01 con chung là Cao Đức H1, sinh ngày 06/01/2005 cho chị S nuôi vì chị S có công việc, thu nhập và chỗ ở ổn định. Điều này phù hợp với thỏa thuận của chị S và anh H, phù hợp với nguyện vọng cháu Cao Đức H1 và phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị S và anh H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Do cháu Cao Thị N, sinh ngày 12/9/1998 đã trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ: Chị S và anh H không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5 Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị S và anh Cao Đức H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58 và Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị S và anh Cao Đức H.

2. Về con chung: Giao 01 con chung là Cao Đức H1, sinh ngày 06/01/2005 cho chị Sánh nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị S và anh H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị S phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA.0006110 ngày 05/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng; chị Vũ Thị S đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Vũ Thị S và anh Cao Đức H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS K;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện K;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Giang